

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Số 1 Lương Định Của -Phường Mai -Đống Đa-Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Hà Nội T01- 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 01 tháng 01 năm 2021
100	A – Tài sản ngắn hạn	1.063.761.174.733	866.660.178.922
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	311.756.939.756	262.078.958.511
111	1. Tiền	185.756.517.839	181.231.809.816
112	2. Các khoản tương đương tiền	126.000.421.917	80.847.148.695
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4.900.000.000	5.800.000.000
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.900.000.000	5.800.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	317.809.875.013	276.656.206.110
131	1. Phải thu khách hàng	275.134.244.744	239.664.328.277
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	29.603.348.859	28.840.522.119
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	15.388.319.857	10.438.487.517
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(2.346.822.581)	(2.287.131.803)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	30.784.134	
140	IV. Hàng tồn kho	422.129.179.777	317.305.635.073
141	1. Hàng tồn kho	438.645.833.986	327.355.176.889
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(16.516.654.209)	(10.049.541.816)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	7.165.180.187	4.819.379.228
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	5.227.344.121	4.810.609.976
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	78.533.719	4.192.768
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.859.302.347	4.576.484
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN	885.465.981.550	934.891.641.575
210	I- Các khoản phải thu dài hạn	-	5.768.510.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	-	5.768.510.000
220	II. Tài sản cố định	735.346.286.011	775.071.444.860
221	1. Tài sản cố định hữu hình	520.079.274.953	556.121.556.999
222	- Nguyên giá	839.212.104.813	829.170.072.990
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(319.132.829.860)	(273.048.515.991)
227	3. Tài sản cố định vô hình	215.267.011.058	218.949.887.861
228	- Nguyên giá	251.886.385.393	250.912.385.393
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(36.619.374.335)	(31.962.497.532)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	14.665.287.758	2.390.569.609
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14.665.287.758	2.390.569.609
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	26.061.735.380	26.061.735.380
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.061.735.380	26.061.735.380
260	V. Tài sản dài hạn khác	109.392.672.401	125.599.381.726
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	26.009.479.799	19.522.071.192
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	6.641.410.926	5.906.564.441
268	3. Tài sản dài hạn khác	786.116.230	786.116.229
269	4. Lợi thế thương mại	75.955.665.446	99.384.629.864
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.949.227.156.283	1.801.551.820.497

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 01 tháng 01 năm 2021
300	A - NỢ PHẢI TRẢ	644.594.642.047	600.108.588.251
310	I. Nợ ngắn hạn	612.646.614.658	534.533.569.944
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	97.027.657.191	88.936.507.795
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22.832.278.661	58.825.224.669
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.449.079.443	8.169.485.601
314	4. Phải trả người lao động	44.881.751.592	47.796.454.069
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15.093.092.745	12.086.090.154
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	15.863.000
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	185.195.722.337	142.041.964.897
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	200.667.360.600	147.668.649.224
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	37.499.672.089	28.993.330.535
330	II. Nợ dài hạn	31.948.027.389	65.575.018.307
337	7. Phải trả dài hạn khác	162.709.000	198.384.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	33.203.641.953
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.785.318.389	32.172.992.354
400	B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	1.304.632.514.236	1.201.443.232.246
410	I. Vốn chủ sở hữu	1.304.632.514.236	1.201.443.232.246
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	175.869.880.000	175.869.880.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết	175.869.880.000	175.869.880.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)	(50.000.000)	(50.000.000)
418	8. Quỹ đầu tư phát triển	467.215.057.755	427.620.050.949
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	247.493.687.112	188.686.201.576
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	31.946.147.561	3.502.277.817
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	215.547.539.551	185.183.923.759
429	13. Lợi ích của cổ đông thiểu số	82.858.361.519	78.071.571.871
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	1.949.227.156.283	1.801.551.820.497

Ngày 24 tháng 01 năm 2022

Người lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Phan Thế Tý

Nguyễn Quang Trường



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý 4 năm 2021	Quý 4 năm 2020	Lũy kế năm 2021	Lũy kế năm 2020
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	776.778.545.646	702.403.524.780	2.085.409.622.376	1.790.764.093.542
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.643.721.057	36.470.188.332	153.971.246.530	156.212.141.576
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	749.134.824.589	665.933.336.448	1.931.438.375.846	1.634.551.951.966
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	500.991.433.887	455.626.531.186	1.310.991.481.865	1.076.362.301.284
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp d.vụ	248.143.390.702	210.306.805.262	620.446.893.981	558.189.650.682
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.309.676.169	281.095.955	5.460.640.916	5.905.695.631
22	7. Chi phí tài chính	11.011.037.006	7.456.220.447	31.602.765.920	18.785.277.924
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	2.507.180.938	2.754.789.187	14.657.828.160	11.582.168.036
25	8. Chi phí bán hàng	65.596.223.664	63.797.394.361	169.571.602.830	154.594.657.313
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	70.217.023.373	64.175.392.131	177.242.074.061	176.218.069.780
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	102.628.782.828	75.158.894.278	247.491.092.086	214.497.341.296
31	11. Thu nhập khác	207.651.671	1.204.154.765	3.522.655.608	2.692.414.248
32	12. Chi phí khác	925.838.520	1.681.273.363	2.062.724.826	3.221.829.630
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	(718.186.849)	(477.118.598)	1.459.930.782	(529.415.382)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	101.910.595.979	74.681.775.680	248.951.022.868	213.967.925.914
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.909.411.255	5.245.913.966	24.442.748.906	21.736.599.700
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(425.902.228)	(907.850.612)	(1.122.520.451)	(2.584.133.224)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	92.427.086.952	70.343.712.326	225.630.794.413	194.815.459.438

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý 4 năm 2021	Quý 4 năm 2020	Lũy kế năm 2021	Lũy kế năm 2020
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	89.430.983.843	68.169.510.162	219.310.527.755	190.204.235.245
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	2.996.103.109	2.174.202.164	6.320.266.658	4.611.224.193
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.089	3.879	12.479	10.823
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.089	3.879	12.479	10.823

Người lập

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế Toán Trưởng

Phan Thế Tý

Ngày 24 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Quang Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Lũy kế đến 31/12/2021	Lũy kế đến 31/12/2020
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1.805.901.517.311	1.706.913.725.003
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(1.261.153.466.460)	(1.314.429.538.576)
3	Tiền chi trả cho người lao động	(151.109.861.115)	(131.613.965.635)
4	Tiền lãi vay đã trả	(14.152.458.666)	(16.781.497.123)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(25.441.858.030)	(23.542.354.582)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	107.694.124.084	98.490.980.042
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(312.354.210.943)	(155.456.635.939)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	149.383.786.181	163.580.713.190
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(24.678.886.406)	(89.972.596.270)
22	Tiền thu hồi từ thanh lý TSCĐ	-	19.456.948
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(31.400.000.000)	(12.794.520.548)
24	Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	7.300.000.000	3.400.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(1.250.453.112)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	270.890.300
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4.574.155.015	30.773.162.540
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	(45.455.184.503)	(68.303.607.030)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	Tiền thu từ đi vay	700.844.158.463	430.595.752.602
34	Tiền trả nợ gốc vay	(656.078.329.280)	(491.516.855.239)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(99.021.660.375)	(80.067.947.425)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(54.255.831.192)	(140.989.050.062)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	49.672.770.486	(45.711.943.902)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	262.078.958.511	307.787.170.377
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	5.210.759	3.732.036
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	311.756.939.756	262.078.958.511

Người lập



Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế Toán Trưởng



Phan Thế Ty

Ngày 24 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Quang Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ 14 với mã số 0101449271 ngày cấp 18/05/2021.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính : Nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

➤ Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Danh sách các đơn vị trực thuộc như sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, TT Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, TT Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay.	Nước CHXDND Lào

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các công ty con như sau:

Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53.80%	53.80%	Phường Phú Lãm. Hà Đông. Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90.02%	90.02%	Xã Điện Thắng Bắc. Thị xã Điện Bàn. Quảng Nam	Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp, vật tư phục vụ nông nghiệp; chế biến kinh doanh nông sản; đại lý bán buôn bán lẻ.
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	96.41%	96.41%	Quận Tân Bình. Thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94%	94%	Huyện Lý Nhân. tỉnh Hà Nam	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; n/c ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.
5	Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam	98.92%	100%	Huyện Tháp Mười. tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, chế biến, kinh doanh hạt giống cây trồng và nông sản

(*) Công ty nắm giữ công ty con này gián tiếp qua một công ty con khác của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (công ty con của Công ty) nắm 30% vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

- Tại ngày 31/12/2021 tổng số cán bộ nhân viên Công ty và Công ty con là 686 người.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

➤ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Trần Kim Liên	- Chủ tịch
Bà Lê Thị Lệ Hằng	- Phó chủ tịch
Ông Trần Đình Long	- Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trà My	- Thành viên
Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	- Thành viên (từ nhiệm từ ngày 1/1/2022)
Ông Nguyễn Quang Trường	- Thành viên

➤ BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Anh Tuấn	- Trưởng ban
Ông Đỗ Tiến Sỹ	- Thành viên
Ông Lương Ngọc Thái	- Thành viên

➤ BAN GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Quang Trường	- Tổng giám đốc
Ông Đỗ Bá Vọng	- Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hải Thọ	- Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Trung Dũng	- Phó Tổng giám đốc
Ông Dương Quang Sáu	- Phó Tổng giám đốc

II. KỲ KẾ TOÁN. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

1. Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch .
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán doanh nghiệp năm 2014 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. Báo cáo tài chính Hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam : Báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam.
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán : USD. CNY. LAK.
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền : theo lãi suất ngân hàng nhà nước.
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

a. Chứng khoán kinh doanh

Được ghi nhận theo nguyên giá, tại thời điểm lập báo cáo công ty đánh giá lại khoản đầu tư và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Nếu giá trị thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Việc trích lập và hoàn nhập không được vượt quá nguyên giá của khoản đầu tư.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

+ Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

+ Các khoản đầu tư đã được công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.

+ Các đầu tư thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

d. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được công ty được phản ánh trong Báo cáo Tài chính theo giá gốc.

Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

đ. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu có khả năng không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

➤ **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

➤ **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể bị suy giảm giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.), có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
Tài sản cố định hữu hình	
Máy móc và trang thiết bị	5 - 15
Thiết bị VP và dụng cụ quản lý	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn.	6 - 15
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 25
Tài sản cố định vô hình	
Bản quyền, bằng sáng chế	2 - 8
Phần mềm máy tính	5 - 6
Tài sản cố định khác	15

Quyền sử dụng đất lâu dài không được khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi công ty được thanh toán tiền trước khi thực hiện công việc để kiếm được doanh thu đó. Doanh thu chưa thực hiện chính là khoản nợ phải trả của công ty cho khách hàng do đã nhận tiền của khách hàng nhưng chưa cung cấp hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN.

17. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc nghiên cứu sản phẩm mới, mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng cho công nhân viên, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán. đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thực hiện.

Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

19. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

20. Nguyên tắc giá vốn hàng bán

Ghi nhận giá vốn hàng bán tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

21. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

22. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

23. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

➤ **Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011. Căn cứ Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN; căn cứ Nghị Định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ "Thu nhập của doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ. Điều kiện có doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu.

Năm 2021 là năm thứ 11 Công ty đáp ứng được điều kiện trên nên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập có doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ là 5%, các thu nhập khác không hình thành từ kết quả KHCN là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

➤ **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất. Kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ khác thuế suất thuế GTGT: 5%, 10%

➤ **Các loại thuế, phí, lệ phí khác:** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

24. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán Chi phí xây dựng dở dang

Phản ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

25. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất.

➤ **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam và báo cáo tài chính của các Công ty con - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây; Công ty CP Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam; Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam; Công ty CP đầu tư và phát triển Nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam và Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam được lập cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày cuối kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty con.

➤ **Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua cổ phần giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của chi phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát của công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.**

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

➤ **Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:** Các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ và các số dư nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Khoản lãi vay và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.

➤ **Trên Báo cáo tài chính hợp nhất lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Công ty liên kết là một công ty và công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong Báo cáo Tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ	4.391.769.112	7.495.007.926
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	181.364.748.727	173.736.801.890
Các khoản tương đương tiền	126.000.421.917	80.847.148.695
Cộng	311.756.939.756	262.078.958.511

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	(VND)	(VND)
Nắm giữ đến ngày chờ đáo hạn	4.900.000.000	5.800.000.000
Cộng	4.900.000.000	5.800.000.000

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ sở hữu (%)			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
➤ Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	306.080	53.80%	306.080	53.80%
Công ty CP cây trồng Trung Ương Quảng Nam (i)	450.100	90.02%	450.100	90.02%
Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	12.794.862	96.41%	12.794.862	94.66%
Công ty cổ phần đầu tư và PTNT nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam	4.700.000	94.00%	4.700.000	94.00%
Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam		70%		70%
➤ Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed (ii)	194.126	19,49%	194.126	19,49%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giá trị đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty cổ phần						
Tập đoàn Thai Binh						
Seed	26.061.735.380			26.061.735.380		

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Phải thu khách hàng:		
- Cục Trồng trọt	61.525.000.000	48.866.034.519
- Chi nhánh Hà Nội- Công ty CP DVTM Tổng hợp Vincommerce	17.792.906.971	
- Phải thu khách hàng khác	195.816.337.773	190.798.293.758
Cộng	275.134.244.744	239.664.328.277
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.346.822.581)	(2.287.131.803)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Trả trước cho các nhà thầu xây dựng	841.177.590	1.043.174.590
Trả trước cho nhà thầu xây dựng khác	841.177.590	1.043.174.590
Trả trước cho nhà cung cấp khác	29.755.784.469	27.797.347.529
HTX Mỹ Đức		1.209.000.000
HTX Thạch Trị		3.149.744.500
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	29.755.784.469	23.438.603.029
Cộng	29.603.348.859	28.840.522.119

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng cho nhân viên	1.505.969.182		5.677.064.610	
Phải thu dự án	2.457.724.302		894.708.000	
Chi phí sản xuất	1.172.357.863			
BHXX, KPCĐ	260.949.603			
Khoản 01	200.850.756			
Thủ lao HĐQT	632.000.000			
Ký cược, ký quỹ	-		228.192.936	
Tiền giải phóng mặt bằng (thuê đất)	2.114.960.000		2.114.960.000	
Phải thu khác	7.043.508.151		1.523.561.971	
Cộng	15.388.319.857		10.438.487.517	

6. Nợ xấu

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị khoản phải thu quá hạn				
- Khách hàng khác	2.346.822.581		2.287.131.803	
Cộng	2.346.822.581		2.287.131.803	

7. Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	41.484.810.535		33.089.563.725	65.515.379
Công cụ, dụng cụ	1.412.809.115		1.126.467.998	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.343.287.809		5.245.544.996	
Thành phẩm	380.930.033.871	16.516.654.209	273.297.886.119	9.984.026.437
Hàng hoá	10.474.892.656		14.595.714.051	
Cộng	438.645.833.986	16.516.654.209	327.355.176.889	10.049.541.816

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Tổng số chi phí XDCB dở dang, trong đó:		
Dự án Phương Mai	1.019.394.700	1.019.394.700
Cải tạo trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Cờ Đỏ	10.979.828.573	
Dự án khác	2.666.064.485	1.371.174.909
Cộng	14.665.287.758	2.390.569.609

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Dụng cụ văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	492.334.515.885	278.893.901.355	49.020.670.822	5.311.152.364	3.609.832.564	829.170.072.990
Tăng trong năm	5.200.138.573	1.678.771.250	2.533.250.000	280.448.000	349.424.000	10.042.031.823
Thanh lý						
Phân loại lại	1.411.292.633	(1.867.292.633)	456.000.000			
Số dư cuối năm	498.945.947.091	278.705.379.972	52.009.920.822	5.591.600.364	3.959.256.564	839.212.104.813
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	137.646.016.082	98.939.074.927	31.384.412.884	4.529.715.936	549.296.162	273.048.515.991
Khấu hao trong năm	21.468.660.880	20.750.429.964	3.372.611.251	158.223.948	334.387.826	46.084.313.869
Thanh lý						
Phân loại lại	(86.260.636)	116.022.412	(29.761.776)			
Số dư cuối năm	159.028.416.326	119.805.527.303	34.727.262.359	4.687.939.884	883.683.988	319.132.829.860
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	354.688.499.803	179.954.826.428	17.636.257.938	781.436.428	3.060.536.402	556.121.556.999
Số dư cuối năm	339.917.530.765	158.899.852.669	17.282.658.463	903.660.480	3.075.572.576	520.079.274.953

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Bản quyền	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	156.014.620.089	67.644.953.560	19.470.100.000	3.508.150.824	4.274.560.920	250.912.385.393
Tăng trong năm			974.000.000			974.000.000
Thanh lý						
Phan loại lại						
Số dư cuối năm	156.014.620.089	67.644.953.560	20.444.100.000	3.508.150.824	4.274.560.920	251.886.385.393
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		16.843.300.736	11.825.126.541	2.578.518.757	715.551.498	31.962.497.532
Khấu hao trong năm		2.375.317.906	1.624.949.000	405.385.698	251.224.199	4.656.876.803
Thanh lý						
Phan loại lại						
Số dư cuối năm		19.218.618.642	13.450.075.541	2.983.904.455	966.775.697	36.619.374.335
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	156.014.620.089	50.801.652.824	7.644.973.459	929.632.067	3.559.009.422	218.949.887.861
Số dư cuối năm	156.014.620.089	48.426.334.918	6.994.024.459	524.246.369	3.307.785.223	215.267.011.058

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

11. Chi phí trả trước

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a. Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa, cải tạo	124.030.615	245.221.473
Nguyên vật liệu, công cụ xuất dùng	4.878.181.923	4.204.045.009
Chi phí khác	225.131.583	361.343.494
Cộng	5.227.344.121	4.810.609.976
b. Chi phí dài hạn		
Chi phí sửa chữa cải tạo	476.322.990	3.370.697.952
Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng khu CN Đồng Văn I	9.409.472.219	9.571.443.142
Tiền thuê đất	5.024.386.415	5.872.615.469
Đầu tư vào hệ thống SX điện tại công ty Vinasolar	6.759.928.508	
Công cụ, dụng cụ	3.993.863.937	707.314.629
Chi phí khác	345.505.730	
Cộng	26.009.479.799	19.522.071.192

12. Lợi thế thương mại tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Tổng cộng	HSC	QSC	SSC
1. Nguyên giá	260.846.731.446	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120
Số dư đầu năm	260.846.731.446	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120
2. Khấu hao				
Số dư đầu năm	161.462.101.582	26.557.087.281	1.287.297.383	133.617.716.918
Tăng trong năm	23.428.964.418	-	191.100.605	23.237.863.813
Số dư cuối năm	184.891.066.000	26.557.087.281	1.478.397.988	156.855.580.731
3. Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	99.384.629.864	-	623.708.662	98.760.921.202
Tại ngày cuối năm	75.955.665.446	-	432.608.056	75.523.057.389

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

13. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	200.667.360.600	200.667.360.600	691.923.854.388	616.785.143.012	147.668.649.224	147.668.649.224
Vay ngân hàng ngắn hạn	200.667.360.600	200.667.360.600	691.923.854.388	616.785.143.012	125.528.649.224	125.528.649.224
Vay dài hạn đến hạn trả					22.140.000.000	22.140.000.000
Vay dài hạn				33.203.641.953	33.203.641.953	33.203.641.953
Vay dài hạn				55.343.641.953	55.343.641.953	55.343.641.953
Vay dài hạn đến hạn trả				(22.140.000.000)	(22.140.000.000)	(22.140.000.000)
TỔNG CỘNG	200.667.360.600	200.667.360.600	691.923.854.388	649.988.784.965	180.872.291.177	180.872.291.177

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

14. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước ngắn hạn**14.1. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Phải trả nhà thầu	998.606.361	998.606.361	3.317.004.161	3.317.004.161
Phải trả người bán	96.029.050.830	96.029.050.830	85.619.503.634	85.619.503.634
- Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên- Trung Quốc	45.770.519.413	45.770.519.413	36.135.697.602	36.135.697.602
- Công ty CP Sản xuất và XNK bao bì Thăng Long	3.714.825.785	3.714.825.785		
- Phải trả người bán khác	46.543.705.632	46.543.705.632	49.483.806.032	49.483.806.032
b Phải trả dài hạn				
Cộng	97.027.657.191	97.027.657.191	88.936.507.795	88.936.507.795

14.2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
CTY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ DAEWON THỦ ĐỨC		23.816.250.000
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NHÀ CANTAVIL		16.183.750.000
Người mua trả tiền trước	22.832.278.661	18.825.224.669
CỘNG	22.832.278.661	58.825.224.669

15. Chi phí phải trả

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a Chi phí phải trả ngắn hạn	15.093.092.745	12.086.090.154
Chi phí lãi vay phải trả	1.279.181.788	158.237.695
Chiết khấu thương mại, thanh toán		
Chi phí phải trả tiền bản quyền	3.256.321.278	3.047.330.300
Chi phí sản xuất		
Chi phí phải trả khác	10.557.589.679	8.880.522.159
b Phải trả dài hạn	162.709.000	198.384.000
Phải trả dài hạn khác	162.709.000	198.384.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	Cuối kỳ
Phải thu				
Thuế GTGT	4.192.768	1.260.000	5.452.768	-
Thuế khác	4.576.484	-	1.854.725.863	1.859.302.347
TỔNG CỘNG	8.769.252	1.260.000	1.860.178.631	1.859.302.347
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	556.053.308	3.045.928.427	2.123.229.955	621.062.658
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.911.851.590	24.541.534.965	23.653.055.466	7.800.331.089
Thuế thu nhập cá nhân	701.580.703	16.997.607.161	16.042.141.192	666.259.763
Thuế khác	-	3.153.874.903	2.792.448.970	361.425.933
TỔNG CỘNG	8.169.485.601	47.738.945.456	44.610.875.583	9.449.079.443

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

17. Phải trả khác

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Cổ tức phải trả	35.232.849.375	44.812.669.310
Trợ cấp mất việc làm và các khoản trả CBCNV đã nộp thuế	17.527.650.731	16.589.746.750
Dự án	808.077.198	812.507.198
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất KPCĐ, BHXH	826.041.280	1.420.032.917
	190.837.266	27.257.274
Thù lao HĐQT và BKS	62.167.866	66.666.666
Các khoản CKTM, HTVC	14.445.574.366	
CTY CP PHÁT TRIỂN NHÀ DAEWON THỦ ĐỨC	23.816.250.000	14.289.750.000
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NHÀ CANTAVIL	76.183.750.000	45.710.250.000
Tiền giải phóng mặt bằng Hà Nam	4.000.000.000	7.937.102.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.102.524.255	10.375.982.782
Cộng	185.195.722.337	142.041.964.897

18. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước		15.863.000
Cộng		15.863.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu**

ĐVT: VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	396.858.632.148	148.966.207.884	75.689.492.731	1.128.579.740.613
Lợi nhuận trong năm					190.204.235.251		190.204.235.251
Mua lại cổ phiếu quỹ							-
Phân bổ vào các quỹ				54.531.295.631	(54.531.295.631)		-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi					(25.518.250.655)		(25.518.250.655)
Thù lao hội đồng quản trị					(144.924.896)		(144.924.896)
Sử dụng quỹ				(23.895.189.320)			(23.895.189.320)
Chia cổ tức					(69.369.689.905)		(69.369.689.905)
Tăng/Giam khác				125.312.490	(920.080.468)	2.382.079.140	1.587.311.162
Số dư cuối năm trước	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	427.620.050.949	188.686.201.576	78.071.571.871	1.201.443.232.246

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	427.620.050.949	188.635.739.576	78.071.571.871	1.201.392.770.246
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	219.310.527.755		219.310.527.755
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	61.862.617.463	(61.447.310.873)		415.306.590
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(58.454.147.934)		(58.454.147.934)
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	-	(2.823.133.468)		(2.823.133.468)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(22.267.610.657)	-		(22.267.610.657)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(36.950.094.354)		(36.950.094.354)
Tăng/Giam khác	-	-	-	-	(777.893.590)	4.786.789.648	4.008.896.058
Số dư cuối năm nay	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	467.215.057.755	247.493.687.112	82.858.361.519	1.304.632.514.236

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu.

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- Vốn góp của Công ty CP Pan Farm	140.787.070.000	140.787.070.000
- Vốn góp của đối tượng khác	35.082.810.000	35.082.810.000
Cộng	175.869.880.000	175.869.880.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	2021 (VND)	2020 (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	175.869.880.000	175.869.880.000
+ Vốn góp đầu năm		
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	175.869.880.000	175.869.880.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành phổ thông, trong đó:	17.574.516	17.574.516
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng phổ thông	17.574.516	17.574.516
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại phổ thông		
+ Số lượng cổ phiếu trả cổ tức trong năm		
- Cổ phiếu quỹ phổ thông	12.472	12.472

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

	Năm 2021	Năm 2020
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		40%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.	30%-40%	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2021	01/01/2021
	(VND)	(VND)
Quỹ đầu tư phát triển	467.215.057.755	427.620.050.949
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Cộng	467.215.057.755	427.620.050.949

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để phục vụ cho nghiên cứu, tái sản xuất, mở rộng kinh doanh.

7. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a, Tài sản nhận giữ hộ (VND)		
b, Hàng hóa nhận giữ hộ (VND)	75.902.382.000	147.076.002.318
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	141.760,51	70.825,31
- Nhân dân tệ (CNY)	80.317,69	80.316,21
- Euro (EURO)	171	171
Nợ khó đòi đã xử lý	10.716.972.907	10.579.960.982

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị tính : VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
Doanh thu bán hàng	2.071.559.806.397	1.784.694.298.967
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.849.815.979	6.069.794.575
Cộng	2.085.409.622.376	1.790.764.093.542

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
Chiết khấu thương mại	60.352.915.691	69.476.804.370
Giảm giá hàng bán	3.626.404.836	84.716.973.090
Hàng bán bị trả lại	89.991.926.003	2.018.364.116
Cộng	153.971.246.530	156.212.141.576

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.304.208.185.067	1.077.416.613.763
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.148.782.452	
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng bán phòng giảm giá hàng tồn kho g tồn kho	5.634.514.346	(1.054.312.479)
Cộng	1.310.991.481.865	1.076.362.301.284

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
Lãi chênh lệch tỷ giá	217.780.450	669.935.015
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.941.260.000	1.914.699.265
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.656.461.035	3.213.416.334
Doanh thu hoạt động tài chính khác	645.139.431	107.645.017
Cộng	5.460.640.916	5.905.695.631

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
Lãi tiền vay	14.657.828.160	11.582.168.036
Lỗ chênh lệch tỷ giá	880.168.551	1.357.200.763
Chiết khấu thanh toán	10.787.470.955	5.763.446.047
Chi phí hoạt động tài chính khác	5.277.298.254	82.463.078
Cộng	31.602.765.920	18.785.277.924

6. Lợi nhuận khác

	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
Thu nhập khác	3.522.655.608	2.692.414.248
Chi phí khác	2.062.724.826	3.221.829.630
Cộng	1.459.930.782	(529.415.382)

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
a. Chi phí bán hàng	169.571.602.830	154.594.657.313
Chi phí nhân viên	37.749.517.156	43.121.788.521
Chi phí mua ngoài	26.630.895.566	36.320.004.998
Chi phí khấu hao	35.665.927.213	7.862.574.346
Các khoản chi phí bán hàng khác	69.525.262.895	67.290.289.448
b. Chi phí quản lý	177.242.074.061	176.218.069.780
Chi phí nhân viên	97.747.268.121	89.350.203.597
Các khoản chi phí QLDN khác	56.065.841.522	60.783.193.037
Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ	23.428.964.418	26.084.673.146

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.606.845.782.968	990.274.082.116
Chi phí nhân công	165.922.359.661	173.894.683.884
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.170.155.090	73.976.784.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	139.895.652.227	128.661.429.111
Chi phí bằng tiền khác	40.817.564.889	66.029.996.867
Cộng	1.606.845.782.968	1.432.836.976.442

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đơn vị tính : VND

	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	24.454.937.191	21.327.306.142
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay	(12.188.285)	409.293.558
Thuế thu nhập hoãn lại	(1.122.520.451)	(2.584.133.224)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi các yếu tố suy giảm) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Tại 31/12/2021	Tại 31/12/2020 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	219.310.527.755	190.204.235.245
Quỹ khen thưởng phúc lợi		(17.032.476.535)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	219.310.527.755	173.171.758.710
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	17.574.516	17.574.516
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	12.479	9.854

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.**1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

ĐVT : VND

	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	700.844.158.463	430.595.752.602
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác		

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	656.078.329.280	431.516.855.239
Tiền trả nợ gốc vay dưới hình thức khác		60.000.000.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

ĐVT : VND

1. Lợi nhuận sau thuế

	Từ 01/10/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	89.430.983.843	68.169.510.162
Cộng	89.430.983.843	68.169.510.162

Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2021 tăng 31,19% so với quý 4 năm 2020 do công ty mở rộng thêm được thị trường gạo và xuất khẩu gạo. Các công ty con trong Tập đoàn hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

2. Các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Từ 01/01/2021 Đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 Đến 31/12/2020
Công Ty Cổ Phần PAN HULIC	Công ty cùng tập đoàn	Lợi nhuận từ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp	137.922.666	300.922.182
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Cổ tức đã công bố	63.354.181.500	56.314.828.000
		Cổ tức đã trả	35.196.767.500	42.236.121.000
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn	Xuất bán hàng hóa, thành phẩm	62.053.720	2.335.224.960

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
--------------------------	--------------------	------------------	--	--

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dung PAN	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng, vật tư		
Công Ty Cổ Phần PAN HULIC	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng, vật tư		165.507.200

Phải trả ngắn hạn khác

Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ		28.157.414.000	35.196.767.500
--------------------------	------------	--	----------------	----------------

Giao dịch với bên liên quan khác

	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
Thù lao, lương và thưởng của HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc	22.277.520.586	18.835.924.700
Cộng	22.277.520.586	18.835.924.700

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. Các cam kết**Cam kết liên quan đến tiền thuê đất**

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021 (VND)	31/12/2020 (VND)
Đến 1 năm	4.247.201.053	4.820.615.891
Trên 1 – 5 năm	3.158.629.417	4.554.783.262
Trên 5 năm	55.732.296.125	57.610.738.238
Cộng	63.138.126.595	66.986.137.391

4. Thông tin so sánh

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tý

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Trường